

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP M&E NHÀ VIỆT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP M&E NHÀ VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109170225

**3. Ngày thành lập:** 05/05/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 22 Tổ 30, ngách 15/160, ngõ 94 đường An Dương Vương, Phường Phú Thượng,  
Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0968962680

Fax:

Email: *nhaviet321@gmail.com*

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết: Thiết kế xây dựng công trình (Điều 48 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 42/2017/NĐ-CP)</p> <p>- Giám sát thi công xây dựng (Điều 49 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 42/2017/NĐ-CP)</p> <p>- Tư vấn lập dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng (Điều 70 Luật Xây Dựng số 50/2014/QH13)</p> <p>- Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy (Điều 41 Nghị định 79/2014/NĐ-CP);</p> <p>- Thiết kế kiến trúc công trình (Điều 48, nghị định 59/2015/NĐ-CP, được sửa đổi bổ sung Nghị định 42/2017/NĐ-CP)</p> <p>- Thiết kế điện - cơ điện công trình( Điều 48, nghị định 59/2015/NĐ-CP, được sửa đổi bổ sung Nghị định 42/2017/NĐ-CP)</p> <p>- Thiết kế cấp - thoát nước (Điều 48, nghị định 59/2015/NĐ-CP, được sửa đổi bổ sung Nghị định 42/2017/NĐ-CP)</p> <p>- Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt (Điều 48, nghị định 59/2015/NĐ-CP, được sửa đổi bổ sung Nghị định 42/2017/NĐ-CP)</p> <p>- Thiết kế an toàn phòng chống cháy nổ công trình (Điều 48, nghị định 59/2015/NĐ-CP, được sửa đổi bổ sung Nghị định 42/2017/NĐ-CP)</p> <p>- Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. (Điều 48 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP và khoản 14 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP, được sửa đổi bổ sung nghị định 100/2018/NĐ-CP)</p> <p>- Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất công trình (Điều 46 Nghị định 59/2015/NĐ-CP, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 100/2018/NĐ-CP)</p> | 7110        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4321(Chính) |
| 3.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3312        |
| 4.  | <p>Lắp đặt hệ thống xây dựng khác</p> <p>Chi tiết: Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy (Điều 43 Nghị định 79/2014/NĐ-CP)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4329        |
| 5.  | <p>Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí</p> <p>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4322        |

|    |                                                                                                                                                                                           |      |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 6. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) | 4659 |
| 7. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                                            | 2710 |
| 8. | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                                                                                                                                       | 2731 |

**6. Vốn điều lệ:** 100.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 10.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN QUỐC TUẤN | Số 30E K1, Thị Trấn Liễu Đề, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông         | 2.500      | 25.000.000            | 25,000    | 036083011203                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số                   | 2.500      | 25.000.000            | 25,000    |                                                                                             |         |

|   |                 |                                                                          |                           |       |            |        |                  |  |
|---|-----------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------|------------|--------|------------------|--|
| 2 | ĐÀM VĂN HẢI     | Thôn Ngọc Lâm, Xã Yên Lâm, Huyện Yên Mô, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam        | Cổ phần phổ thông         | 5.000 | 50.000.000 | 50,000 | 0370820053<br>41 |  |
|   |                 |                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0     | 0          | 0,000  |                  |  |
|   |                 |                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0     | 0          | 0,000  |                  |  |
|   |                 |                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0     | 0          | 0,000  |                  |  |
|   |                 |                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0     | 0          | 0,000  |                  |  |
|   |                 |                                                                          | Tổng số                   | 5.000 | 50.000.000 | 50,000 |                  |  |
| 3 | HOÀNG THỊ NHUNG | Xóm 1, thôn Ngọc Lâm, Xã Yên Lâm, Huyện Yên Mô, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 2.500 | 25.000.000 | 25,000 | 0371830052<br>56 |  |
|   |                 |                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0     | 0          | 0,000  |                  |  |
|   |                 |                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0     | 0          | 0,000  |                  |  |
|   |                 |                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0     | 0          | 0,000  |                  |  |
|   |                 |                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0     | 0          | 0,000  |                  |  |
|   |                 |                                                                          | Tổng số                   | 2.500 | 25.000.000 | 25,000 |                  |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐÀM VĂN HẢI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/02/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 037082005341

Ngày cấp: 05/12/2014

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Ngọc Lâm, Xã Yên Lâm, Huyện Yên Mô, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 22 Tổ 30-ngách 15/160-ngõ 94 đường An Dương Vương, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội